TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08.02.2018
V/v: "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông Nguyễn Văn Thảo

2/ Bà Trần Thúy Kiên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về việc: *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị ***Lương Thị Bé E*** sinh năm 1993
Trú tại: ấp A, xã B, huyện V, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn*: Anh ***Huỳnh Thanh P*** sinh năm 1993
Trú tại: khu vực P, phường N, quận T, thành phố Cần Thơ.

3. *Người có quyền và lợi ích được bảo vệ – con chung*:
Cháu ***Lương An K*** sinh ngày 05.5.2007
(Đang sống với chị Bé E tại ấp A, xã B, huyện V, thành phố Cần Thơ; Và do chị Bé E là người giám hộ).

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 30.11.2017 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Lương Thị Bé E trình bày:

Do tự nguyện quen biết và yêu thương nhau, đến ngày 25.3.2016, chị với anh Huỳnh Thanh P được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình anh P tại khu vực P, phường N, quận T, thành phố Cần Thơ. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh P và gia đình bên chồng không tin tưởng chị nên anh chị quyết định sống ly thân từ đó đến nay. Sau ly thân chị và con chung về sống chung cha mẹ ruột tại ấp A, xã B, huyện V, thành phố Cần Thơ, còn anh P vẫn sống tại khu vực P, phường N, quận T, thành phố Cần Thơ từ đó đến nay.

Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Lương An K, sinh ngày 05.5.2017, hiện đang sống với chị Bé E và bên ngoại tại ấp ấp A, xã B, huyện V.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Huỳnh Thanh P.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Lương An K, sinh ngày 05.5.2017 đến trưởng thành, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại tờ tự khai ngày 05.01.2018 và quá trình giải quyết vụ kiện, bị đơn anh Huỳnh Thanh P trình bày:

Anh thống nhất nội dung trình bày của nguyên đơn chị Lương Thị Bé E về hôn nhân, con chung, cũng như vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Cụ thể: vào năm 2016 anh và chị Bé E được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì xảy ra mâu thuẫn, theo anh thì mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không phù hợp và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi vã làm cho hạnh phúc gia đình đỗ vỡ không thể hàn gắn.

Từ tháng 12.2016 thì vợ chồng chính thức ly thân nhau. Nay chị Bé E yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý theo yêu cầu của chị Bé E.

Thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Lương An K, sinh ngày 05.5.2017, hiện do chị Bé E nuôi dưỡng. Anh đồng ý ổn định cho chị Bé E được quyền nuôi con chung, nhưng do hoàn cảnh khó khăn anh yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do chị Bé E và anh P không đăng ký kết hôn nên Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân. Nhưng, có tổ chức hòa giải, đối chất và phân tích, giải thích theo quy định của pháp luật về vấn đề liên quan *(con chung)* để các đương sự hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình và để tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề liên quan trong vụ kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ theo yêu cầu ban đầu.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

./ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định;

./ Về nội dung: Do các đương sự không đăng ký kết hôn nên đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự; Đề nghị chấp nhận yêu cầu nuôi con Lương An K của nguyên đơn chị Lương Thị Bé E, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lương Thị Bé E với anh Huỳnh Thanh P tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 3.2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị không hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị Bé E làm đơn xin ly hôn đối với anh P, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét quan hệ hôn nhân:

Quá trình giải quyết vụ án, chị Bé E và anh P thống nhất khai: anh chị chung sống tháng 3.2016 được gia đình hai bên tác hợp, có tổ chức lễ cưới vào năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn - Điều này phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B, huyện V và Ủy ban nhân dân phường N, quận T *(bút lục: 07, 32)* nên có căn cứ xác định giữa chị Bé E với anh P không đăng ký kết hôn là sự thật.

Chị Bé E xin được ly hôn. Xét hôn nhân là tự nguyện, tiến bộ một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng với nhau. Ban đầu cả hai có ý chí xây dựng cuộc sống gia đình lâu dài nhưng quá trình chung sống anh chị chưa thật sự hiểu và thông cảm nhau, anh P thiếu quan tâm, chăm sóc vợ con nên khi xảy ra mâu thuẫn thì anh P không an ủi, cư xử đúng mực với chị Bé E nên từ tháng 12.2016 anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay. Thời gian sống ly thân kéo dài nhưng anh chị không có biện pháp hàn gắn để trở về sum họp nên chị Bé E khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh P; qua yêu cầu ly hôn của chị Bé E thì anh P thống nhất đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế các đương sự đã sống ly thân từ tháng 12.2016 đến nay; suốt thời gian qua vợ chồng đã bỏ mặc, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, tình cảm của anh chị đã thật sự rạn nứt nhưng vì anh chị không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm khoản 1 điều 9, điều 14 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên không chấp nhận cho chị Bé E được ly hôn với anh P mà tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Lương Thị Bé E với anh Huỳnh Thanh P là phù hợp.

[3] Về con chung: Các đương sự thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Lương An K, sinh ngày 05.5.2017, nên có căn cứ xác định cháu K là con chung của

chị Bé E và anh P là sự thật; ngoài ra anh chị không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Tại phiên tòa, chị Bé E yêu cầu được nuôi con chung; Anh P thống nhất ổn định cho chị Bé E được quyền nuôi con đến trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận trên không làm thay đổi môi trường sống và sự phát triển bình thường của cháu K nên được Hội đồng xét xử ghi nhận và phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do chị Bé E không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Lương Thị Bé E phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 8 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 điều 9, điều 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận chị Lương Thị Bé E với anh Huỳnh Thanh P là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Chị Lương Thị Bé E được quyền trực tiếp nuôi con chung Lương An K, sinh ngày 05.5.2017 đến trưởng thành. Anh Huỳnh Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh P thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Lương Thị Bé E phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Bé E đã nộp theo phiếu thu số 003638 ngày 14.12.2017 được chuyển thành án phí. Chị Bé E đã nộp xong.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- THA Q. Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thanh Điền